

Số: 505/TB-UBND

Hiệp Hòa, ngày 09 tháng 8 năm 2022

THÔNG BÁO THU HỒI ĐẤT

Để thực hiện dự án: Khu đô thị số 4, thị trấn Thăng, huyện Hiệp Hòa (Đợt 1)

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về giá đất; số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: Số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh về việc thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào các mục đích khác năm 2022;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Bắc Giang: Số 10/2019/QĐ-UBND ngày 21/5/2019 Ban hành Quy định về thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh; số 20/2020/QĐ-UBND ngày 02/7/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND ngày 21/5/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang; số 70/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND ngày 21/5/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang; số 551/QĐ-UBND ngày 07/6/2022 về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Hiệp Hòa;

Căn cứ Nghị Quyết số 281/NQ-HĐND ngày 21/12/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Hiệp Hòa quyết định chủ trương đầu tư 04 dự án (nhóm B) và điều chỉnh chủ trương đầu tư 02 dự án trong Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 huyện Hiệp Hòa.

Căn cứ Quyết định số 2852/QĐ-UBND ngày 28/12/2021 của UBND huyện Hiệp Hòa về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị số 4, thị trấn Thăng, huyện Hiệp Hòa (tỷ lệ: 1/500);

Sau khi xem xét đề nghị của phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1249/TTr-TNMT ngày 09 tháng 8 năm 2022.

UBND huyện Hiệp Hòa thông báo như sau:

1. Thu hồi đất:

- Tổng diện tích đất dự kiến thu hồi: **20.133,9 m²** đất nông nghiệp trồng cây hàng năm của các hộ gia đình, cá nhân.

- Địa điểm: Tại Tổ dân phố Việt Hùng, thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Tổng số hộ bị thu hồi đất, ảnh hưởng bởi dự án: *(Có danh sách: tên chủ sử dụng đất, diện tích thửa đất, số thửa và tờ bản đồ trích lục địa chính, loại đất kèm theo)*

2. Lý do thu hồi: Thực hiện dự án Khu đô thị số 4, thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa.

3. Thời gian điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm: Xong trong tháng 8/2022

4. Dự kiến kế hoạch di chuyển trong tháng 11 năm 2022:

Các tổ chức, hộ gia đình ông (bà) có tên tại mục 1 Thông báo này có trách nhiệm phối hợp với Trung tâm Phát triển Quỹ đất &CCN huyện và UBND thị trấn Thắng để thực hiện việc điều tra, khảo sát, đo đạc, xác định diện tích đất, tài sản khác gắn liền với đất để lập phương án bồi thường, hỗ trợ, có trách nhiệm thông báo đến các thành viên trong tổ chức, hộ gia đình về nội dung thu hồi đất. Trường hợp tổ chức, hộ gia đình, cá nhân không chấp hành việc điều tra, khảo sát, đo đạc, xác định diện tích đất, tài sản khác gắn liền với đất thì Nhà nước triển khai kiểm đếm bắt buộc theo quy định của pháp luật.

Trung tâm PTQĐ và CCN huyện có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với UBND thị trấn Thắng và các cơ quan liên quan thực hiện công tác thu hồi đất, giải phóng mặt bằng để triển khai thực hiện dự án theo quy định./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Các cơ quan: TN&MT, Trung tâm PTQĐ, Chi nhánh VP ĐKĐĐ huyện;
- UBND thị trấn Thắng;
- Các hộ dân có đất thu hồi;
- Công thông tin điện tử huyện;
- LĐVP, CVKT;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Khanh

DANH SÁCH THỬA ĐẤT DỰ KIẾN THU HỒI (ĐỢT 1) ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN KHU ĐÔ THỊ SỐ 4, THỊ TRẤN THẮNG, HUYỆN HIỆP HÒA

Địa điểm: Tổ dân phố Việt Hùng, thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

(Gửi kèm Thông báo số /TB-UBND ngày tháng năm 2022 của UBND huyện)

Stt	Tên chủ sử dụng đất	Số tờ bản đồ	Số thửa đất	Loại đất	Tổng diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích thu hồi trong dự án (m ²)	Diện tích còn lại (m ²)	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>D</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4=2-3</i>	<i>5</i>
1	Bùi Quang Long	51	237	LUC	634,1	634,1	0,0	
2	Mai Anh Đài	51	312	LUC	352,3	352,3	0,0	
	Mai Anh Đài (Hiền)	51	292	LUC	480,5	480,5	0,0	
	Mai Anh Đài (Hiền)	51	293	LUC	264,0	264,0	0,0	
	Mai Anh Đài	51	427	LUC	426,7	426,7	0,0	
3	Lê Văn Tiến (Tâm)	51	243	LUC	247,7	247,7	0,0	
	Lê Văn Tiến (Tâm)	51	217	LUC	58,9	58,9	0,0	
4	Nguyễn Thị Oanh (Lượng)	51	473	LUC	398,1	398,1	0,0	
5	Nguyễn Văn Thâm (Cọ)	51	424	LUC	486,7	486,7	0,0	
6	Nguyễn Văn Bảy	51	291	LUC	187,0	187,0	0,0	
7	Lê Thị Quỳ	51	266	LUC	176,2	176,2	0,0	
	Lê Thị Quỳ	51	375	LUC	751,0	751,0	0,0	
8	Nguyễn Văn Tấn(Chanh)	51	437	LUC	508,3	508,3	0,0	
9	Nguyễn Thị Nghĩa (con trai là Dương Văn Nguyễn)	51	242	LUC	824,7	824,7	0,0	
10	Nguyễn Xuân Thái	51	267	LUC	355,9	355,9	0,0	
	Nguyễn Xuân Thái	51	290	LUC	423,2	423,2	0,0	
11	Nguyễn Phúc Bình	51	377	LUC	993,5	993,5	0,0	
12	Nguyễn Văn Lịch	51	191	LUC	467,1	467,1	0,0	
13	Dương Văn Điều (con gái là Dương Thị Hoa)	51	315	LUC	632,6	632,6	0,0	
14	Nguyễn Văn Tháp	51	431	LUC	186,1	186,1	0,0	

15	Nguyễn Xuân Tiên	51	359	LUC	281,4	281,4	0,0	
16	Lê Thanh Vân	51	371	LUC	196,4	196,4	0,0	
	Lê Thanh Vân	51	370	LUC	217,0	217,0	0,0	
17	Phùng Thị Kim Xuyên	51	360	LUC	192,9	192,9	0,0	
18	Nguyễn Văn Quý	51	361	LUC	58,5	58,5	0,0	
19	Nguyễn Phúc Khánh (con trai là Nguyễn Phúc Lâm)	51	268	LUC	688,5	688,5	0,0	
	Nguyễn Phúc Khánh (con trai là Nguyễn Phúc Lâm)	51	192	LUC	443,7	443,7	0,0	
20	Bùi Quang Đạt	51	269	LUC	338,4	338,4	0,0	
21	Lê Văn Hải (Hinh)	51	316	LUC	817,7	817,7	0,0	
22	Phạm Văn Đông (con trai là Phạm Văn Hồng)	51	218	LUC	444,3	444,3	0,0	
23	Phạm Văn Hồng	51	238	LUC	323,1	323,1	0,0	
24	Phạm Văn Đông(con trai là Phạm Văn Hải)	51	239	LUC	354,3	354,3	0,0	
25	Lê Minh Mẫn	51	240	LUC	227,4	227,4	0,0	
26	Trần Thị Quán	51	374	LUC	399,5	399,5	0,0	
	Trần Thị Quán	51	357	LUC	329,5	329,5	0,0	
27	Phạm Thị Ứng	51	429	LUC	204,6	204,6	0,0	
	Phạm Thị Ứng	51	376	LUC	757,3	757,3	0,0	
	Phạm Thị Ứng	51	373	LUC	227,2	227,2	0,0	
	Phạm Thị Ứng	51	650	LUC	341,7	341,7	0,0	
28	Nguyễn Thị Kim	51	310	LUC	355,0	355,0	0,0	
	Nguyễn Thị Kim	51	309	LUC	499,0	499,0	0,0	
29	Nguyễn Văn Bàn	51	478	LUC	297,3	13,4	283,9	
30	Vũ Minh Đức(Chanh)	51	353	LUC	613,5	613,5	0,0	
31	Nguyễn Thị Xuân	48	224	LUC	244,1	88,0	156,1	
32	Nguyễn Thị Chắt	51	264	LUC	276,8	276,8	0,0	
	Nguyễn Thị Chắt	51	477	LUC	30,1	30,1	0,0	
	Nguyễn Thị Chắt	51	362	LUC	40,6	40,6	0,0	
	Nguyễn Thị Chắt(5%)	51	436	LUC	201,4	201,4	0,0	

33	Nguyễn Đình Minh	51	354	LUC	429,2	429,2	0,0	
	Nguyễn Đình Minh	51	355	LUC	111,5	111,5	0,0	
34	Dương Ngọc Đức	51	426	LUC	280,0	280,0	0,0	
	Dương Ngọc Đức (Lý)	51	265	LUC	203,8	203,8	0,0	
35	Nguyễn Văn Mão (Liên)	51	434	LUC	238,8	238,8	0,0	
36	Đào Văn Công	51	476	LUC	266,1	152,9	113,2	
37	Nguyễn Thị Thúc (Định)	51	652	LUC	410,1	410,1	0,0	
38	Nguyễn Văn Minh	51	23	LUC	100,4	1,8	98,6	
39	UBND thị Trấn Thăng	51	474	LUC	188,8	188,8	0,0	
	UBND thị Trấn Thăng	51	475	LUC	301,2	301,2	0,0	
Tổng cộng					20.785,7	20.133,9	651,8	